

Mật Tạng Bộ 1 \_ No.882 (Tr.365 \_ Tr.369)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA  
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG  
\_QUYỀN THỨ TÁM\_

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng\_Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc  
Khanh\_ Truyền Pháp Đại Sư, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bầy tôi là) nhóm THI HỘ  
phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

KIM CƯƠNG SỰ NGHIỆP MẠN NOA LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ  
(Vajra-karya-karma-maṇḍala-vidhi-vistara)  
\_PHẦN THỨ TƯ\_

\_Bấy giờ, Cụ Đức Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát lại nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Vô Thượng Cúng Đường Quảng Đại Nghi Quỹ Thư Biến Yết Ma Tam Muội Kim Cương Gia Trì Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgatānuttara-pūjā-vidhi-vistara-spharaṇa-karma-samaya-vajrādhiṣṭhānaṃ samādhi) nói **Tối Thượng Tự Tâm Minh** (Sva-vidyottamaṃ mantra) là:

“**Án, tát lý-phộc đát tha nga (1) phộc nhật-la đà đỏa nậu đa la bố nhạ, táp-phả la noa (2) cát lý ma, sa ma duệ, hồng (3)**”

ॐ स ह न क र त र व क र त र व [ वृ ष षु [ म न इ स म य ह

\*)OM- SARVA TATHĀGATA VAJRA-DHĀTU ANUTTARA-PŪJA, SPHARAṆA KARMA-SAMAYE HŪM.

\_Khi ấy, Đức Thế Tôn A Súc Như Lai nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Tát Đỏa Vô Thượng Cúng Đường Quảng Đại Nghi Quỹ Thư Biến Yết Ma Tam Muội Kim Cương Gia Trì Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgata-vajra-sattvānuttara-pūjā-vidhi-vistara-spharaṇa-karma-samaya-vajrādhiṣṭhānaṃ samādhi) nói **Tối Thượng Tự Tâm Minh** là:

“**Án, tát lý-phộc đát tha nga (1) phộc nhật-la tát đỏa nậu đa la bố nhạ, táp-phả la noa (2) cát lý ma, sa ma duệ, hồng (3)**”

ॐ स ह न क र त र व क स क र त र व [ वृ ष षु [ म न इ स म य ह

\*)OM- SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ANUTTARA-PŪJA, SPHARAṆA KARMA-SAMAYE HŪM.

\_Lúc đó, Đức Thế Tôn Bảo Sinh Như Lai nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Bảo Vô Thượng Cúng Đường Quảng Đại Nghi Quỹ Thư Biến Yết Ma Tam Muội Kim Cương Gia Trì Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgata-vajra-ratnānuttara-pūjā-vidhi-vistara-spharaṇa-karma-samaya-vajrādhiṣṭhānaṃ samādhi) nói **Tối Thượng Tự Tâm Minh** là:

“**Án, tát lý-phộc đát tha nga (1) phộc nhật-la la đát-na nậu đa la bố nhạ, táp-phả la noa (2) cát lý ma, sa ma duệ, hồng (3)**”

ॐ स ह न क र त र व क र त र व [ वृ ष षु [ म न इ स म य ह

\*)OM- SARVA TATHĀGATA VAJRA-RATNA ANUTTARA-PŪJA, SPHARAṆA KARMA-SAMAYE HŪM.



*Do Tính chur Phật rộng lớn nên  
Tức tắt cả Phật cho thành tựu”*

\_\_ Khi ấy, Cụ Đức Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát lại nói **Nghi Quỹ Yết Ma rộng lớn** (Karma-vidhi-vistaram), **Kim Cương Yết Ma Mạn Noa La** (Vajra-karma-maṇḍala) thuộc nhóm **cúng dường của tất cả Như Lai** (Satva-tathāgata-pūjā). Đại Minh là:

“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) tát lý-phộc đát-ma , nễ lý-dã đát na, bồ nhạ, táp-phả la noa (2) cát lý-ma phộc nhật-lý, a (3)”**

ॐ स त्त र्ग य ए त्त र्ग स त्त र्ग ( र्ग र्ग र्ग य ए त्त र्ग स त्त र्ग इ म् न ि र्ग य ए त्त र्ग )

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA, SARVA ATMA NIRYĀTANA PŪJA SPHARAṆA, KARMA-VAJRI \_AḤ

Đây tức là **Nhất Thiết Như Lai Cực Diệu Lạc** (Sarva-tathāgata-sukha-sukhā)

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) tát lý-phộc đát-ma , nễ lý-dã đát na, cát lý-sa noa, bồ nhạ, táp-phả la noa (2) cát lý-ma phộc ngật-lý, nhược (3)”**

ॐ स त्त र्ग य ए त्त र्ग स त्त र्ग ( र्ग र्ग र्ग य ए त्त र्ग य ए त्त र्ग इ म् न ि र्ग य ए त्त र्ग )

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA , SARVA ATMA NIRYĀTANĀKARṢAṆA PŪJA SPHARAṆA, KARMA -AGRI \_JAḤ

Đây tức là **Nhất Thiết Như Lai Câu Triệu** (Sarva-tathāgatākaraṣaṇī)

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) tát lý-phộc đát-ma , nễ lý-dã đát na, nậu la nga noa, bồ nhạ, táp-phả la noa (2) cát lý-ma phộc ni, hồng, hô (3)”**

ॐ स त्त र्ग य ए त्त र्ग स त्त र्ग ( र्ग र्ग र्ग य ए त्त र्ग य ए त्त र्ग इ म् न ि र्ग य ए त्त र्ग )

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA, SARVA ATMA NIRYĀTANA-ANURĀGAṆA PŪJA SPHARAṆA , KARMA –VĀNĪ \_HŪM HOḤ

Đây tức là **Nhất Thiết Như Lai Tùy Ái Lạc** (Sarva-tathāgatānurāginī)

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) tát lý-phộc đát-ma , nễ lý-dã đát na, sa độ cát la, bồ nhạ, táp-phả la noa (2) cát lý-ma đồ sắt-trí, ác (3)”**

ॐ स त्त र्ग य ए त्त र्ग स त्त र्ग ( र्ग र्ग र्ग य ए त्त र्ग य ए त्त र्ग इ म् न ि र्ग य ए त्त र्ग )

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA, SARVA ATMA NIRYĀTANA- SĀDHU KĀRA\_ PŪJA SPHARAṆA, KARMA –TUṢṬI \_AḤ

Đây tức là **Nhất Thiết Như Lai Biến Hoan Hỷ** (Sarva-tathāgata-saṃtoṣaṇī)

Nhóm đó gọi là **Nhất Thiết Như Lai Đại Cúng Dường** (Sarva-tathāgata-mahā-pūjāḥ)

\_\_ Tiếp lại, Đại Minh là:

.)“**Án, na mạc tát lý-phộc đát tha nga đa (1) cát dã, tỳ thi cát, la đát-nê tỳ-du, phộc nhật-la ma ni – Án (2)”**

ॐ न मः स त्त र्ग य ए त्त र्ग न मः ( र्ग य ए त्त र्ग इ म् न ि र्ग य ए त्त र्ग )

\*)OM– NAMAḤ SARVA TATHĀGATA-KĀYA-ABHIṢEKA RATNEBHYAḤ VAJRA-MAṆI \_OM

Đây tức là **Đại Chủ Tể** (Mahādhipati)

.)“**Án, na mạc tát lý-phộc đát tha nga đề (1) tô lý-duệ tỳ-du, phộc nhật-la đế nhĩ nễ, nhập-phộc nhật, hứ (2)”**

ॐ नमः सर्वतथागतस्युग्रुः वज्रकरेण ह्रस्वः ॥

\*)OM- NAMAḤ SARVA TATHĀGATA SŪRYEBHYAḤ, VAJRA TEJINI JVALA – HRĪḤ.

Đây tức là **Đại Quang Minh** (Mahodyotā)

.)“**Án, na mạc tát lý-phộc đát tha nga đa (1) a xa bả lý bố la noa, tiến đa ma ni, đặc-phộc nhạ, ngật-lý tỳ-du (2) phộc nhật-la đặc-phộc nhạ, ngật-lý, đát-lam (3)**”

ॐ नमः सर्वतथागतस्य पारिपूरणं चिन्तामणिं ध्वजा अग्रेभ्याहं वज्राध्वजा अग्रि-त्राम् ॥

\*)OM- NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀSĀ-PARIPŪRAṆA CINTĀMAṆI DHVAJA AGREBHYAḤ, VAJRA-DHVAJA AGRI – TRĀM

Đây tức là **Đại Bảo Vũ** (Mahā-ratna-varṣā)

.)“**Án, na mạc tát lý-phộc đát tha nga đa (1) ma hạ tất-lý để, bát-la mô ninh-đã, cát-lý tỳ-du (2) phộc nhật-la hạ tế, hác (3)**”

ॐ नमः सर्वतथागतस्य महप्रितिप्रमोद्या करेभ्याहं वज्राहसेहाहं ॥

\*)OM- NAMAḤ SARVA TATHĀGATA, MAHĀ-PRĪTI PRAMODYA KĀREBHYAḤ VAJRA-HĀSE- HAḤ.

Đây tức là **Đại Hỷ Duyệt** (Mahā-prīti-harṣā)

Nhóm đó gọi là **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Cúng Đường** (Sarva-tathāgatābhiseka-pūjah)

\_Tiếp lại, Đại Minh là:

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) phộc nhật-la đạt lý-ma đa, tam ma đề tỳ, tốt-đổ nô di, ma hạ đạt lý-ma ngật-lý, hiệt-lợi**

ॐ सर्वतथागतवज्रधर्मसमयेष्टुगभिमन्वदमस्यै ॥

\*)OM- SARVA TATHĀGATA VAJRA-DHARMATĀ SAMĀDHIBHYAḤ STUTOMI, MAHĀ-DHARMA-AGRI – HRĪḤ.

Đây tức là **Đại Trí Ca** (Mahā-jñāna-gītā)

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) bát-la nghê-dã , bá la di đa, nễ lý hạ lại, tát-đổ nô di (2) ma hạ cồ sa nậu nghê, đàm (3)**”

ॐ सर्वतथागतप्रज्ञापारमिता अभिनिरहारे स्तुनोमि, महाघोषा अनुगे-धाम् ॥

\*)OM- SARVA TATHĀGATA PRAJÑA-PĀRAMITA ABHINIRHĀRE STUNOMI, MAHĀ-GHOṢA ANUGE – DHAM.

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ\_ sarva-tathāgata prajñā-nirhāraiḥ stunomi, mahā-ghoṣānuge dhām**)

Đây tức là **Đại Âm Thanh** (Mahā-ghoṣānugā)

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) tác cật-la, xoa la, bát-lý phộc lý-đa (2) tát lý-phộc tô đát-lãm, đa na duệ, tốt đổ nô di (3) tát lý-phộc mạn noa lê, hồng (4)**”

ॐ सर्वतथागतवक्रक्षरपरिवर्तनसर्वसुत्रसंनयनस्यै ॥

\*)OM- SARVA TATHĀGATA CAKRA-AKṢARA PARIVARTTANA SARVA SŪTRAM SANĀYAYE STUNOMI, SARVA MAṆḌALA – HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ\_ sarva-tathāgata cakrākṣara parivartādi sarva-sūtrānta-nayaiḥ stunomi sarva-maṇḍale hūm**)

Đây tức là **Biên Nhập Nhất Thiết Mạn Noa La** (Sarva-maṇḍala-praveśā)

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) tán đà vụ sa , một đà tăng nghê đề tỳ lý-nga diệm, tốt-đổ nô di (2) phộc nhật-la phộc tế, tông (3)**”

ॐ स ह ग ए ऋ ऋ सं ङ स ष व ह सं णि (१) ॐ: वृ णं वृ ष (२) वृ ष व रं

\*)OM– SARVA TATHĀGATA SAMDHĀ-BHĀṢA, BUDDHA SAMGĪTIBHYAḤ BHR GĀYAM STUNOMI, VAJRA VĀCE – VAM

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ\_ sarva-tathāgata sandhā-bhāṣa-buddha-samgītibhir-gāyan stunomi vajrā-vāce vam**)

Đây tức là **Mật Cú Hạnh** (Mantra-caryā)

Nhóm đó gọi là **Nhất Thiết Như Lai Pháp Cúng Đường** (Sarva-tathāgata-dharma-pūjāḥ)

\_Tiếp lại, Đại Minh là:

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) độ ba di già tấp-phả la noa, bổ nhạ, cát lý-di (2) cát la, cát la (3)**”

ॐ स ह ग ए ऋ ऋ सु व ष च म् कृ ण पु ष ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ

\*)OM– SARVA TATHĀGATA DHŪPA MEGHA-SPHARAṆA PŪJA KARME KARA – KARAḤ

Đây tức là **Đại Dũng Mãnh** (Sattva-vatī)

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) bỏ sất-ba, bát-la tát la, tấp-phả la noa, bổ nhạ, cát lý-di (2) cát lý, cát lý (3)**”

ॐ स ह ग ए ऋ ऋ सु व ष च म् कृ ण पु ष ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ

\*)OM– SARVA TATHĀGATA PUṢPA-PRASARA SPHARAṆA PŪJA KARME KIRI\_ KIRIḤ.

Đây tức là **Đại Giác Phần** (Mahā-bodhyāṅga-vatī)

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) a lộ ca nhập-phộc la, tấp-phả la noa, bổ nhạ, cát lý-di (2) bà la, bà la (3)**”

ॐ स ह ग ए ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ सु व ष च म् कृ ण पु ष ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ

\*)OM – SARVA TATHĀGATA ĀLOKA-JVALA SPHARAṆA PŪJA KARME BHARA\_ BHARAḤ.

Đây tức là **Đại Minh Chiếu** (Cakṣuṣ-vatī)

.)“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) hiển đà, tam mẫu nại-la, tấp-phả la noa, bổ nhạ, cát lý-di (2) cô lỗ, cô lỗ (3)**”

ॐ स ह ग ए ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ सु व ष च म् कृ ण पु ष ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ

\*)OM– SARVA TATHĀGATA GANDHA-SAMUDRA SPHARAṆA PŪJA KARME KURU KURAḤ.

Đây tức là **Đại Đồ Hương** (Gandha-vatī)

Nhóm đó gọi là **Nhất Thiết Như Lai Yết Ma Cúng Đường** (Sarva-tathāgata-karma-pūjāḥ)

\_Tiếp, lại tuyên nói **Kim Cương Sự Nghiệp Mạn Noa La** (Vajra-kārya-karma-maṇḍala) là chuyên khắp hết các việc cúng đường của tất cả Như Lai không dư sót

Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

**Tối Thượng Yết Ma Mạn Noa La** (Karma-maṇḍalaṃ uttamam)

Tướng ấy giống như **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)  
**Sự nghiệp Kim Cương** (Vajra-kāryam) nên nói đây  
**Đại Mạn Noa La Pháp tương ứng** (Mahā-maṇḍala yogena)  
Y đây an bày **ảnh tượng Phật** (Buddha-bimbaṃ)  
Nhóm **Kim Cương Tát Đồ** (Vajra-sattva) tương ứng  
Ấn Hiền Thánh ấy, y Pháp vẽ

\_Tiếp, nói **Kim Cương Sự Nghiệp Mạn Noa La Nhập Đẳng Nghi Tắc** (Vajra-kārya-karma-maṇḍala-praveśādi-vidhi-vistara) là y theo Pháp dụng của Kim Cương Giới Đại Mạn Noa La, tùy ứng nên vào. Như vậy vào xong, vì Đệ Tử nói rằng: “**Tam Muội Cúng Đường** (Pūjā-samaya) của tất cả Như Lai này, trong ngày ngày, người thường nên cúng đường 16 vị Đại Sĩ, xong nên tùy theo sức làm các sự nghiệp”

Nói như vậy xong, liền vì Đệ Tử trừ bỏ mảnh lụa che mặt. Liền khiến quán nhìn trong Mạn Noa La, trao cho Yết Ma Bản Bộ Tiêu Xí, còn được tất cả Như Lai làm cúng đường, hưởng chi là việc khác u!

\_Tiếp, lại dạy truyền **Bồ Đề Tâm Thành Biện Cúng Đường Ấn Trí** (Mahā-bodhi-citta-niṣpatti-pūjā-mudrā-jñānam)

**Tâm Bồ Đề bền chắc sinh ra** (Bodhi-citta-dṛḍhotpādāḥ)

Ta, đây quán tưởng nơi chư Phật

Ta dùng **Hy Hỷ** (Ratyā) cúng đường nên

Liền được **Thắng Diệu Lạc của Phật** (Buddha-sukha)

\_Tâm Bồ Đề bền chắc sinh ra

Ta, đây quán tưởng nơi chư Phật

Ta dùng **Bảo Man** (Ratna-mālā) cúng đường nên

Cúng đường khắp xong được Quán Đỉnh

\_Tâm Bồ Đề bền chắc sinh ra

Ta, đây quán tưởng nơi chư Phật

**Ca Âm Diệu Lạc** (Gīti-saukhya) cúng đường nên

Do cúng đường khắp được Diệu Ái

\_Tâm Bồ Đề bền chắc sinh ra

Ta, đây quán tưởng nơi chư Phật

Ta dùng **Tuyên Vũ** (Nṛtyataḥ) cúng đường nên

Còn được chư Phật làm cúng đường

Liền nói **Đại Minh** của nhóm như vậy là:

“**Mật đà đất ma kháng**”

𑖀𑖩𑖫𑖛𑖫𑖛𑖫𑖛

\*)BUDDHA-ĀTMA-AHAM

“**Một đà ma tỳ sản tả di**”

𑖀𑖩𑖫𑖛𑖫𑖛𑖫𑖛𑖫𑖛𑖫𑖛

\*)BUDDHAM- ABHIṢIṢCA ME

“**Một đà tốt-đỏ đẽ, cát lỗ di**”

𑖀𑖩𑖫𑖛𑖫𑖛𑖫𑖛𑖫𑖛𑖫𑖛𑖫𑖛

\*)BUDDHA STUTE KARA-UMI

“Một đà, bổ nhạ, cát lỗ di”

बुद्ध पूजा करा-उमि

BUDDHA PŪJA KARA-UMI

Tiếp, lại dạy truyền **Nhất Thiết Phật Cúng Đường Ân Trí** (Sarva-buddha-pūjā-mudrā-jñānam)

\_ **Thân ngữ tâm Kim Cương tối thượng** (Kāya-vāk-citta-vajrāgrya)

Nên làm **đỉnh lễ tướng** (Praṇāmaṃ) tương ứng

Dùng đây cúng đường tất cả Phật

Định được tất cả thường tin lễ

\_ Nhóm **Phước lớn** (Mahā-puṇya) của tất cả Phật

Từ **thân ngữ tâm Kim Cương** (Kāya-vāk-citta-vajraṃ) sinh

Ta dùng **Tùy Hỷ** (Anumodana) **cúng đường** (Pūjā) nên

Do đây liền được mau thành Phật

\_ **Thê thân ngữ tâm Kim Cương** ấy

Dâng hiến thân vi diệu như vậy

Trong tất cả cúng đường của Phật

Dùng cúng đường này mà cúng đường

\_ **Hết thảy** tất cả Hạnh thắng thiện

Từ thân ngữ tâm Kim Cương sinh

Dùng **Hồi Hướng** (Parināmanā) này **cúng đường** (Pūjā) nên

Được ngang chư Phật không có khác

Liền nói **Đại Minh** của nhóm như vậy là:

“**Bát-la noa ma di**”

बुद्ध पूजा

\*)PRANĀMĀMI

“**A nậu mô nễ**”

अनुमोदि

\*)ANU-MODĪ

“**Một đà bổ nhạ**”

बुद्ध पूजा

\*)BUDDHA PŪJA

“**Một lý noa ma**”

परिणाम

\*)PARINĀMA

Tiếp, lại dạy truyền **Pháp Cúng Đường Ân Trí** (Dharma-pūjā-mudrā-jñānam)

\_ **Tự Tính** các Pháp đều sáng tỏ

Tự Tính xưa nay đều trong sạch

Do Pháp như vậy cúng đường nên

Liền được **Thắng Diệu Lạc** (Rati-sukha) của Phật

\_ **Tướng Môn** đặt bày ngôn thuyết xong

Tức tất cả Pháp đều **tập hợp** (Samucchaya)

Nói do **Pháp Ân Môn** (Dharma-mudrāya) như vậy

Mà hay **đoạn trừ** (Chinatti) **tất cả khổ** (Sarva-duḥkhāṃ)  
\_ Các Pháp như vậy khắp tất cả  
Trong **Nhân** (Hetu), Pháp này tức Như Lai  
Dùng **Chính Pháp Luân** (Saddharma-cakra) cúng dường nên  
Cúng dường được thành bậc **Tri Pháp** (Dharma-dhāra)  
\_ Ở trong **Tự Tính tất cả Pháp** (Sarva-dharmā svabhāva)  
Các Pháp đã nói **như tiếng vọng** (Pratīśrutkopama: như âm thanh vang dội lại)  
Liên dùng Pháp này cúng dường nên  
Mà hay mau được **âm Chính Giác** (?Svaratā: tính của âm thanh)

Liên nói **Đại Minh** của nhóm như vậy là:

“**Tất lý-phộc thú đà**”

𑖀𑖩𑖫𑖪

\*)SARVA ŚUDDHA

“**Tam mãn đa bạt nại la**”

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

\*)SAMANTA-BHADRA

“**Đạt lý-ma, tác cật-la**”

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

\*)DHARMA-CAKRA

“**Nễ sắt-bát-la bán tả**”

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

\*)NIṢPRAPAÑCA

Tiếp, lại dạy truyền **Tam Ma Địa Ấn Trí** (Samādhi-pūjā-mudrā-jñānam: Tam Ma Địa Cúng Dường Ấn Trí)

\_ Trong thân ngũ tâm Kim Cương ấy

Thân mình giống như số bụi nhỏ

Quán tưởng liền biến tất cả Phật

Mà hay mau được **thân Diệu Pháp** (Saddharma-kāya)

\_ Trong thân ngũ tâm Kim Cương ấy

Thân mình giống như số bụi nhỏ

Quán tưởng **thân Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-sattva-kāya)

Kim Cương Tát Đỏa được không khác

\_ Trong thân ngũ tâm Kim Cương ấy

Thân mình giống như số bụi nhỏ

Quán tưởng tức tướng **ảnh tượng Phật** (Buddha-bīḥam)

Mau được thành **Phật Chân Thật Thể** (Thể chân thật của Phật)

Liên nói **Đại Minh** của nhóm như vậy là:

“**Phộc nhật-la cát dã**”

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

\*)VAJRA-KĀYA

“**Đạt lý-ma cát dã**”



८५१८

\*)DHARMA-KĀYA

“Tát đũa cát dĩa”

८५१८

\*)SATVA-KĀYA

“Một đà cát dĩa”

८५१८

\*)BUDDHA-KĀYA

Tiếp, lại dạy truyền **Bí Mật Ân Trí** (Rahasya-pūjā-mudrā-jñānam: Bí Mật Cúng Đường Ân Trí)

\_Tất cả thân ấy đều hòa hợp

Tự nhiên **Diệu Lạc** (Sukha) thành cúng dường

Dùng đây phụng hiến mau hay được

**Kim Cương Tát Đỏa đẳng** (Vajra-sattva-sama) không khác

\_Diệu Ái chân thật, tương ứng nên

Tùy ứng chỗ hướng, chạm vui (lạc xúc) sinh

Dùng đây phụng hiến nơi chư Phật

Được **Kim Cương Bảo đẳng** (Vajra-ratna-sama) không khác

\_Bền chắc khéo vui, thường liên tục

Tùy chạm, tùy ứng, sinh **Thắng Lạc** (Agya-sukha)

Dùng đây phụng hiến nơi chư Phật

Được **Kim Cương Pháp đẳng** (Vajra-dharma-sama) không khác

\_Chày Kim Cương Liên Hoa cùng hợp

Tương ứng Diệu Lạc khắp tất cả

Dùng đây phụng hiến, làm cúng dường

Được **Kim Cương Nghiệp đẳng** (Vajra-karma-sama) không khác

Liên nói Đại Minh của nhóm như vậy là:

“La để, phộc nhật-la”

११११

\*)RATI-VAJRA

“La nga, phộc nhật-la”

११११

\*)RĀGA-VAJRA

“Tất-lý để, phộc nhật-la”

११११

\*)PRĪTI-VAJRA

“Cát ma, phộc nhật-la”

११११

\*)KĀMA-VAJRA

\_Tiếp, lại dạy truyền **Nhất Thiết Như Lai Cúng Đường Yết Ma Đại Ấn Trí**  
(Sarva-tathāgata-pūjā-karma-mahā-mudrā-jñānam)

Ấy là: Tim, hai hông sườn, lưng  
Hai vú, hai vai, họng với trán  
Hai tai, đầu, đỉnh đến eo lưng  
Như vậy mười sáu chỗ, y Pháp

\_Tiếp; lại dạy truyền **Nhất Thiết Như Lai Cúng Đường Yết Ma Tam Muội Gia Ấn Trí** (Sarva-tathāgata-pūjā-karma-samaya-mudrā-jñānam)

Ấy là kết chặt **Kim Cương Phộc** (Vajra-bandha)  
Đầy tức **Đại Ấn Tương Ứng Pháp** (Mahā-mudrā-prayogataḥ)  
Nhóm tim, các chỗ như Bản Nghi  
An bày cúng đường nơi **chư Phật** (Jinaṃ)

\_Tiếp, lại dạy truyền **Nhất Thiết Như Lai Cúng Đường Yết Ma Pháp Ấn Trí**  
(Sarva-tathāgata-pūjā-karma-dharma-mudrā-jñānam)

Ấy là: “**Ấn, ngật-lý-dã được, sa, đế-lý, lãm, kháng, nặc, kháng, thương, hồng, hứ, xá, noa, thất, tang**”

ॐ (ᱚ) (ᱛ) (ᱜ) (ᱝ) (ᱞ) (ᱟ) (ᱠ) (ᱡ) (ᱢ) (ᱣ) (ᱤ) (ᱥ) (ᱦ) (ᱧ) (ᱨ) (ᱩ) (ᱪ) (ᱫ) (ᱬ) (ᱭ) (ᱮ) (ᱯ) (ᱰ) (ᱱ) (ᱲ) (ᱳ) (ᱴ) (ᱵ) (ᱶ) (ᱷ) (ᱸ) (ᱹ) (ᱺ) (ᱻ) (ᱼ) (ᱽ) (᱾) (᱿)

\*)OM\_ GRIYA YAḤ SĀḤ \_ TRĪ RAṂ HAṂ DAM \_ KHAM ŚAM HŪM  
HI \_ ŚA NA ŚI SAṂ

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ\_ gryaḥ yyaḥ sā, tri raṃ haṃ naḥ, khaṃ śaṃ hūṃ hi, śa ṇa śiḥ saṃ**)

\_Tiếp nói **Yết Ma Ấn** (Karma-mudrā). Ấy là y theo Pháp, như thứ tự ấy, nên dùng hai tay làm Yết Ma Quyền, tùy thành các Ấn

### HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI NGHI QUỶ

(Sarva-tathāgata-mahā-yānābhisamaya nāma mahā-kalpa-rāja: Đại Nghi Quỹ Vương tên là **Nhất Thiết Như Lai Đại Thừa Hiện Chứng Tam Muội**)

#### \_PHẦN THỨ NĂM\_

\_Bấy giờ, Đức Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai dùng sức **gia trì của tất cả Như Lai** (Tathāgatādhiṣṭhāna) cho nên tuyên nói **Đại Nghi Quỹ Pháp rộng lớn** (Mahā-kalpa-vidhi-vistara) dùng **niếp tất cả việc thành tựu** (Sarva-siddhi-saṃgrahārthaṃ) của **tất cả Như Lai Tộc** (sarva-tathāgata-kula), **tất cả Như Lai Ấn** (Sarva-tathāgata-mudrāṃ) ...**được sinh ra từ tất cả Như Lai Bộ** (Sarva-tathāgata-kulam utpādyāsyā) **Đại Minh** là:

“**Ấn, tất lý-phộc đát tha nga đa, mẫu sắt-trí, tông**”

ॐ (ᱚ) (ᱛ) (ᱜ) (ᱝ) (ᱞ) (ᱟ) (ᱠ) (ᱡ) (ᱢ) (ᱣ) (ᱤ) (ᱥ) (ᱦ) (ᱧ) (ᱨ) (ᱩ) (ᱪ) (ᱫ) (ᱬ) (ᱭ) (ᱮ) (ᱯ) (ᱰ) (ᱱ) (ᱲ) (ᱳ) (ᱴ) (ᱵ) (ᱶ) (ᱷ) (ᱸ) (ᱹ) (ᱺ) (ᱻ) (ᱼ) (ᱽ) (᱾) (᱿)

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA MUṢṬI VAM

\_Khi ấy, Đức Thế Tôn A Súc Như Lai dùng sức gia trì của tất cả Như Lai cho nên tuyên nói Đại Nghi Quỹ, Pháp rộng lớn dùng nhiếp tất cả việc thành tựu của tất cả Như Lai Tộc, tất cả Như Lai Ấn ... được sinh ra từ tất cả Như Lai Bộ. **Đại Minh** là:

“**Ấn, phộc nhật-la tất đỏa, mẫu sắt-trí, a**”

ॐ (ᱚ) (ᱛ) (ᱜ) (ᱝ) (ᱞ) (ᱟ) (ᱠ) (ᱡ) (ᱢ) (ᱣ) (ᱤ) (ᱥ) (ᱦ) (ᱧ) (ᱨ) (ᱩ) (ᱪ) (ᱫ) (ᱬ) (ᱭ) (ᱮ) (ᱯ) (ᱰ) (ᱱ) (ᱲ) (ᱳ) (ᱴ) (ᱵ) (ᱶ) (ᱷ) (ᱸ) (ᱹ) (ᱺ) (ᱻ) (ᱼ) (ᱽ) (᱾) (᱿)

\*)OM\_ VAJRA-SATVA MUṢṬI A

(Bản khác ghi là: **Oṃ\_ vajra-sattva muṣṭi aḥ**)

\_Lúc đó, Đức Thế Tôn Bảo Sinh Như Lai dùng sức gia trì của tất cả Như Lai cho nên tuyên nói Đại Nghi Quỹ, Pháp rộng lớn dùng nhiếp tất cả việc thành tựu của tất cả Như Lai Tộc, tất cả Như Lai Ấn ...được sinh ra từ tất cả Như Lai Bộ. **Đại Minh** là:

**“Án, phộc nhật-la la đát-na, mẫu sắt-trí, đát-lãm”**

ॐ वज्ररत्न मुष्टि त्राम्

\*)OM \_ VAJRA-RATNA MUṢṬI TRĀM

(Bản khác ghi là: **Oṃ\_ vajra-ratna muṣṭi trām**)

\_Bây giờ, Đức Thế Tôn Vô Lượng Thọ Như Lai dùng sức gia trì của tất cả Như Lai cho nên tuyên nói Đại Nghi Quỹ, Pháp rộng lớn dùng nhiếp tất cả việc thành tựu của tất cả Như Lai Tộc, tất cả Như Lai Ấn ...được sinh ra từ tất cả Như Lai Bộ. **Đại Minh** là:

**“Án, phộc nhật-la đạt lý-ma, mẫu sắt-trí, kháng”**

ॐ वज्रदर्म मुष्टि खम्

\*)OM \_ VAJRA-DHARMA MUṢṬI KHAM

\_Khi ấy, Đức Thế Tôn Bất Không Thành Tựu Như Lai dùng sức gia trì của tất cả Như Lai cho nên tuyên nói Đại Nghi Quỹ, Pháp rộng lớn dùng nhiếp tất cả việc thành tựu của tất cả Như Lai Tộc, tất cả Như Lai Ấn ...được sinh ra từ tất cả Như Lai Bộ. **Đại Minh** là:

**“Án, phộc nhật-la cát lý-ma, mẫu sắt-trí, khiêm”**

ॐ वज्रकर्म मुष्टि क्षम्

\*)OM \_ VAJRA-KARMA MUṢṬI HAM

(Bản khác ghi là: **Oṃ\_ vajra-karma muṣṭi hām**)

\_Bây giờ, Cụ Đức Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát dùng **gia trì của mình** (Svādhiṣṭhāna) với sức gia trì của Đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na Như Lai cho nên tuyên nói **Đại Nghi Quỹ Pháp rộng lớn** (Mahā-kalpa-vidhi-vistara) dùng nhiếp tất cả việc thành tựu của tất cả Như Lai Tộc, **Kim Cương Tát Địa** (Vajra-siddhi), **Tứ Ấn Mạn Noa La** (Catur-mudrā-maṇḍalam) ...được sinh ra từ tất cả Như Lai Bộ.

Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

**Tứ Ấn Mạn Noa La tối thượng** (Catur-mudrā-maṇḍalam uttamam)

Tướng ấy giống như Kim Cương Giới

**Kim Cương Tát Địa** (Vajra-siddhi) nên nay nói

Như Đại Mạn Noa La Pháp Dụng

Bậc Trí tùy ứng, nên giảng đây

Y Pháp an nhóm ảnh tượng Phật

Với vẽ **Tứ Ấn Mạn Noa La**

Nên ở trong vành trăng tịnh diệu

Nhóm **Kim Cương Ấn** (Vajra-mudrā) y Pháp vẽ

\_Tiếp, nói Nghi Quỹ thuộc nhóm **Câu Triệu** (Ākaṣana) trong **Tứ Ấn Mạn Noa La** (Catur-mudrā-maṇḍalam) của **Kim Cương Thành Tựu** (Vajra-siddhi). Ấy là tùy ứng, y theo Pháp làm, dùng vào Mạn Noa La, răn bảo Đệ Tử rằng:

“Ngươi hãy cẩn thận, đừng đem Pháp Môn bí mật này giao tiếp vì người mở bày dạy truyền. Tại sao thế? Vì có hữu tình đủ các **Ác Kiến** (Durdṛṣṭi) lại tạo **nghiệp tội** (Pāpa-karma) không có phương tiện khéo, chẳng thể hiểu rõ mọi sự nghiệp màu nhiệm.

Dùng **sự thấp kém mà tinh tiến** (Hīna-vīryā) cho nên ở trong **Mạn Noa La của tất cả Như Lai Bộ** (Sarva-tathāgata-kula-maṇḍala) tuy làm xong nhưng lại trở ngược, khởi suy nghĩ sợ chẳng thể vào. Nhóm ấy ở trong **Mạn Noa La của Kim Cương thành tựu** (Vajra-siddhi-maṇḍalam), **Ấn Khế Mạn Noa La của tất cả Như Lai** (Sarva-tathāgata-mudrā-maṇḍala), **Tam Muội Chân Thật Mạn Noa La của tất cả Như Lai Bộ** (Sarva-tathāgata-kula-maṇḍala-samaya-bhūtam)... chẳng thể rộng vì tận khắp các **giới hữu tình** (Sattva-dhātu) không có dư sót...**làm cứu độ** (Paritraṇa), **lợi ích an vui** (hita-sukha) cho đến tướng thuộc việc kiến lập **tối thượng thành tựu** (Uttama-siddhi) của tất cả Như Lai Kim Cương đều chẳng thể làm. Chính vì thế cho nên người đứng ở trong **các bí mật** (Rahasyānām) thuộc **Tam Muội** (Samaya), **Ấn Khế** (Mudrā) của tất cả Như Lai Bộ...chẳng sinh niềm tin trong sạch. Điều này gây phá hoại, mạng ấy chết yểu. Không nên khiến bị đọa trong ba nẻo ác”

Nói như vậy xong, liền vì **Đệ Tử** trừ bỏ mảnh lụa che mặt, liền khiến quán nhìn trong Mạn Noa La. Sau đó vì **Đệ Tử** (Śiṣya)nói **Ấn Khế Tam Muội của tất cả Như Lai Bộ** (Sarva-tathāgata-mudrā-samayaṃ)

Hết thầy, hết thầy kết các Ấn  
Tùy ứng, tùy ứng Đại Chủ Tể  
Y Pháp **trì tụng** (Japaṃ) nơi **Tâm Minh** (Hṛdaya-mantra)  
Quán tưởng thân mình cũng như Giáo  
Nếu ở Trí như vậy, tương ứng  
Liền được Đại Sĩ Thắng Thành Tựu  
**Tất cả Ấn ở tất cả chôn** (sarva-mudrās tu sarveṣāṃ)  
Như điều **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) đã nói

\_Tiếp lại vì Đệ Tử nói **Pháp bí mật của tất cả Ấn** (Sarva-mudrā-rahasyaṃ)  
Nhiếp thân, **điều phục các Căn mình** (Svendriyaṃ)  
Tiếp nên cầm giữ **Kim Cương Quyền** (Vajra-muṣṭi)  
Ấn đó hoặc tùy điều tiếp chạm  
Khoảng khắc được sinh Diệu Ái ấy

\_Tiếp lại vì Đệ Tử nói **Pháp Tính của tất cả Ấn** (Sarva-mudrā-dharmatām)  
**Kim Cương vi diệu** (Sūkṣma-vajra), Pháp đã dùng  
Trong đó nên kết nơi **Trí Ấn** (Jñāna-mudrā)  
**Nghi Quỹ** (Vidhi) như vậy, nếu tương ứng  
Đây tức **Trí Ấn Diệu Ái Pháp**

\_Tiếp lại vì Đệ Tử nói **Pháp Yết Ma của tất cả Ấn** (Sarva-mudrā-karma)  
Hoặc **ca** (Gīta), hoặc **múa** (Nṛtya), hoặc **ăn uống** (Rasāhara-vihāra)  
Các Pháp đã hành, các **Pháp vui** (Sukhāni)  
Dùng đây hiến Phật với Thánh Hiền  
Lý Diệu Ái của **Yết Ma Ấn** (Karma-mudrā)

Tiếp, lại dạy truyền **Nhất Thiết Mạn Noa La Thành Tựu Bí Mật Ấn Trí** (Sarva-maṇḍala-sādhikā-rahasya-mudrā-jñānaṃ)

\_Trước nên an chặt ở thân mình  
Ổ, ngồi ngưng lắng mà tịch trụ  
Dạng đồng Tháp Miếu chẳng nghiêng động  
Quán tưởng thành tựu Kim Cương Giới

\_Tiếp kết Kim Cương Phộc bên chắc  
Hai tay, ngón giữa dựng như nanh (răng nanh)  
Ngón út, ngón trỏ đều ngửa mặt

**Thắng Tam Muội Ấn** (Samayāgri-mudrā) trong Tam Muội

**Vi Diệu Kim Cương** (Sūkṣma-vajra) Thắng Pháp Dụng

Trong đó quán tưởng **Diệu Đẳng Dẫn** (Su-samāhita)

**Vi Diệu Kim Cương Mạn Noa La** (Sūkṣma-vajra-maṇḍala)

Tức **Tam Ma Địa, Lý tự tại** (Samādhi0vaśitām nayam)

\_Hai tay nên kết **Kim Cương Ấn** (Vajra-mudrā)

Cầm giữ Kim Cương, hai bên chắc

Ngón út, ngón trỏ đều kết buộc

Tức **Kim Cương Thân Thắng Đàn Ấn** (Vajra-kāryāgra-maṇḍala: Kim Cương Thắng Hành Đàn)

\_Sau đó, như bốn Đại Ấn đã kết của nhóm Kim Cương Tát Đỏa. Y theo Pháp Dụng rộng lớn trong Kim Cương Giới Đại Mạn Noa La. Hết thầy nhóm Mạn Noa La của A Súc Như Lai, Pháp Dụng thuộc bốn Ấn của tất cả Mạn Noa La ...đều vẽ như Tứ Ấn Mạn Noa La của Kim Cương Thành Tự, mỗi mỗi đều nên dùng Ấn Khế của Bản Bộ, liền được thành tựu tất cả chỗ làm.

\_Nếu vẽ các tranh tượng. Trước tiên ở mặt lưa, vẽ như màu hư không, xong ở các chỗ, y theo Pháp mà vẽ. Như Giáo an bày Mạn Loa La ấy, liền được thành tựu tất cả chỗ làm. Từ đây về sau tùy theo điều ham muốn (lạc dục), hoặc vào Đại Mạn Noa La làm việc thành tựu

Hoặc ở trong một ngày, bắt đầu tu tập. Hoặc lại bốn ngày, hoặc 16 ngày tùy ứng chỗ làm. Giả sử có tạo năm tội Vô Gián thì tùy theo chỗ ham muốn ấy, tất cả ái lạc, ăn uống, thọ dụng, chỗ hành, chỗ làm...đều thọ nhận các khoái lạc

Nếu cầu thành tựu. Ở trong một năm còn hay đắc được thành tựu tối thượng. Đây tức là điều mà Cụ Đức Kim Cương Thủ đã nói.

\_Bấy giờ, Đức Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai lại nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Tối Thượng Thành Tựu Tam Muội Kim Cương Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgatottama-siddhi-samaya-vajram samādhi). Ở trong Tam Ma Địa đó dùng Tâm của tất cả Như Lai (Sarva-tathāgata-hṛdayam) từ trái tim của mình (Sva-hṛdayam) xuất ra, nói **Nhất Thiết Như Lai Đại Thừa Hiện Chứng Tam Muội Đại Minh** (Sarva-tathāgata-mahā-yānābhisamayam mantra) đó là:

**“Phộc nhật-la tát đỏa”**

𑖀𑖄𑖔𑖄𑖔

\*)VAJRA-SATVA

\_Khi ấy, Cụ Đức Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát rộng vì cứu độ lợi lạc tận khắp các giới hữu tình không có dư sót, liền đến khiến cho được **thành tựu vô thượng** (Uttama-siddha) của tất cả Như Lai cho nên nói **Đại Thừa Hiện Chứng Tam Muội Mạn Noa La** (Mahā-yānābhisamayam-maṇḍalam) này

Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

**Tát Đỏa Mạn Noa La tối thượng** (Sattva-maṇḍalam uttamam)

Tướng ấy giống như Kim Cương Giới

Kim Cương Tát Đỏa nên nay nói

Y Đại Mạn Noa La Pháp Dụng

Thứ tự giảng **Ngoại Mạn Noa La** (Bāhya-maṇḍala)

Nên ở trong vành trăng tịnh diệu

An bày tướng Kim Cương Tát Đỏa

Sau đó, như Giáo đã nói. Trong đây, Nghi Quỹ của nhóm **Câu Triệu** (Ākaṣaṇa), **Nhập** (Praveśa)... đều từ **tất cả Như Lai Trí** (Sarva-tathāgata-siddhi-jñāna: Trí thành tựu của tất cả Như Lai) đã sinh ra. Y theo Pháp làm xong, răn bảo Đệ Tử rằng:

“Nếu có kẻ chẳng thấy Tam Muội, chẳng hay hiểu rõ các Pháp bí mật này thì chẳng nên vì kẻ đó nói. Nếu vì họ nói thì phá hoại rất mạnh, mạng ấy chết yểu. Không nên khiến bị đọa trong các nẻo ác”

\_Tiếp, lại dạy truyền **Kim Cương Tát Đỏa Tối Thượng Tát Địa Thành Tựu Trí Ấn** (Vajra-sattvottama-siddhi-sādhana-jñānam mudrā)

An ở **Mãn Nguyệt Mạn Noa La** (Pūrṇa-candra-maṇḍala)

Đều ở trong **Đại Ấn** (Mahā-mudrā) đã nhiếp

**Kim Cương Tát Đỏa tức thân mình** (Vajra-sattvaṃ svam ātmānam)

Như ứng, quán tướng mau thành tựu

\_Tiếp, lại dạy truyền **Nhất Thiết Mạn Noa La Bí Mật Tam Muội Ấn Trí** (Sarva-maṇḍala-guhya-samaya-mudrā-jñānam)

Nên biết trong ba cõi, không riêng

Thấy **Tham** (Rāga) hay lìa tội gây ra

Thế nên Tính **Nhiễm Tịnh** chân thường

Trong đây, người biết, không việc khác

**Đại Minh** như vậy là:

“**Ma hạ tam ma dā, hát na, phát tra**”

𑖀𑖂𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓

\*)MAHĀ-SAMAYA HANA PHAT

Sau đó, liền vì Đệ Tử trao cho **Thệ Tâm Minh** (Śapatha-hṛdayaṃ mantra) với **Mạn Noa La** (Maṇḍala), **Nghi Quỹ rộng lớn** (Vidhi-vistara), **Tam Muội** (Samaya), **Cấm Giới** (Samvara) của **tất cả Như Lai Bộ** (Sarva-tathāgata-kula)

\_Tiếp, lại dạy truyền nhóm bốn Đại Ấn của Kim Cương Tát Đỏa, Pháp thành tựu như vậy, nhóm tượng lạy như vậy, tất cả tượng Thánh tùy theo ý ưa thích, y theo Pháp mà làm, liền được thành tựu tất cả mong cầu.

Như vậy đều y theo **Kim Cương Giới Đại Mạn Noa La Quảng Đại Nghi Quỹ** (Vajra-dhātu-mahā-maṇḍala-vidhi-vistara)

\_Bấy giờ, tất cả Như Lai tiếp lại vân tập, khen ngợi **Cụ Đức Nhất Thiết Như Lai Tăng Thượng Chủ Tể Đại Bồ Đề Tâm Kim Cương Giới Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Bhagavate sarva-tathāgatādhīpataye mahā-bodhi-cittāya vajra-dhātu vajra-pāṇi bodhisattva mahāsattva) rằng: “*Lành thay! Lành thay!*”.

Liền nói **Kim Cương Hoan Hỷ Đại Minh** (Vajra-tuṣṭi mahā-mantra) là:

“**Án**”

𑖀

\*)OM

\_Tiếp lại Tụng là:

“**Lành thay (Sādhu)! Kim Cương Đại Dũng Mãnh (Vajra-sattvāya)**  
**Kim Cương Đại Bảo (Vajra-ratnāya)**, lại **Thiện Tai**  
**Kim Cương Diệu Pháp (Vajra-dharmāya)** khéo nghĩ khó  
Lành thay! **Kim Cương Chúng Yết Ma (Vajra-karmaṇe)**  
Khéo hay tuyên nói Chính Pháp này  
**Kim Cương Thừa (Vajra-yāna)** vô thượng rộng lớn  
Như Lai, hết thầy **Môn bí mật (Guhyam)**  
**Nhiếp trong Đại Thừa Hiện Chứng Pháp (Mahā-yānābhisamgrahaṃ)**  
Nếu nghe tên **Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-sattva)**  
Còn được tất cả Thắng Thành Tựu  
Nếu dùng **Tâm tịnh (Suddha-citta)**, làm Pháp thời  
Liền được **Thắng Diệu Lạc (Sukha)** của Phật  
Hết thầy **Pháp Kim Cương (Vajra-dharma)** tương ứng  
Tức Diệu Lạc trong các dục lạc  
Người cầu thành tựu ở đời này  
Được **vui (Sukha) không tận (Akṣayam)**, mà **không diệt (Avyayam)**”

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA  
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG  
\_QUYỂN THỨ TÁM (Hết)\_